SỞ Y TẾ HẬU GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 34 /TMCG-TTYT.HCT

Châu Thành, ngày 30 tháng 8 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Do nhu cầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm năm 2023

Nay Trung tâm Y tế huyện Châu Thành đề nghị Quý Công ty chào giá các mặt hàng theo chi tiết danh mục đính kèm.

- Mục đích báo giá: làm cơ sở xây dựng dự toán kinh phí mua sắm vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm năm 2023
- Thời hạn gửi báo giá: Trước 16 giờ ngày 15 tháng 9 năm 2023.
- Yêu cầu báo giá:

+ Bản giấy gửi về Khoa Dược – Trung tâm Y tế huyện Châu Thành. Địa chỉ: Tỉnh lộ 925 ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

+ File mềm gửi về địa chỉ Email: ttytct.hg.kd@gmail.com

Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ khoa Dược, số điện thoại 0918.480.786 (Ms Hiền), 0939.690.839 (Mr Phương)

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HẬU GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÂU THÀNH

Nguyễn Thanh Tuấn

Phụ lục danh mục
Gói số 1: Vật tư y tế năm 2023

TT	Mã số	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	VT2023001	Bơm tiêm 1cc	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, cỡ kim 26Gx1/2", 25Gx5/8". có nắp đậy. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485.	Ống	20,000
2	VT2023002	Bơm tiêm 3cc	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 3ml, cỡ kim 26Gx1/2", 25Gx5/8". có nắp đậy. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485.	Ống	5,000
3	VT2023003	Bơm tiêm 5cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485 và CE.	Ống	120,000
4	VT2023004	Bơm tiêm 10cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485.	Ống	24,000
5	VT2023005	Bơm tiêm 20cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng . Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485.	Ống	15,000
6	VT2023006	Bơm tiêm 50cc (cho ăn)	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485.	Ống	100
7	VT2023007	Bơm tiêm 50cc	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485.	Ống	2,000

8	VT2023008	Dây khóa 3 chia	"Không nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch hay các loại thuốc. Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch. Khóa có dây dài 25cm nhựa dẻo y tế trong suốt, giúp cho việc quan sát được rõ ràng hơn. "	Sợi	100
9	VT2023009	Dây truyền dịch	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500mm. Giấy phép lưu hành sản phẩm của Bộ Y Tế TCVN 6591 - 4: 2008, ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2016-TUV và CE.	Sợi	20,000
10	VT2023010	Kim luồn số 18	Kim bằng silicon ôm chặt kim bằng kim loại được làm bằng nhựa FEP (Teflon), Đường kính: 1.3mm, Chiều dài: 45mm, Lưu lượng: 90mm/phút	Cây	200
11	VT2023011	Kim luồn số 20	Kim bằng silicon ôm chặt kim bằng kim loại được làm bằng nhựa FEP (Teflon), Đường kính: 1.1mm, Chiều dài: 32mm, Lưu lượng: 60mm/phút	Cây	10,000
12	VT2023012	Kim luồn số 22	Kim bằng silicon ôm chặt kim bằng kim loại được làm bằng nhựa FEP (Teflon), Đường kính: 0.9mm, Chiều dài: 25mm, Lưu lượng: 33mm/phút	Cây	200
13	VT2023013	Kim luồn số 24	Catheter được làm bằng chất liệu FEP. Đầu kim vát 3 mặt. Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm & lưu được trong mạch máu đến 72 giờ. Thành kim mỏng, có Luer lock, Tiêu chuẩn ISO 13485: 2003/EN ISO 13485: 2012/ISO 9001: 2008; EC	Cây	8,000
14	VT2023014	Nút đậy kim luồn	Có cổng tiêm thuốc không chứa Latex. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2003/EN ISO 13485: 2012/ISO 9001: 2008; EC	Cái	500

15	VT2023015	Bơm tiêm 50ml luer lock dùng tương thích cho máy bơm tiêm điện B.Braun	• Ống tiêm bằng nhựa trung tính trong suốt và có kim, có khía, có khóa Luer lock, dùng cho máy bơm tiêm điện, kim rời • Kích cỡ kim: 23G x 1 • Mũi kim được dát nghiêng mặt phẳng 3 chiều giúp tiêm vào da dễ dàng. • Kỹ thuật mài cao cấp cho mũi kim cực kỳ sắc bén. • Pít tông chuyển động mịn màng cho độ chính xác cao hơn • Dấu hiệu rõ ràng, đậm đảm bảo kiểm soát liều lượng và độ chính xác • Giảm không gian chết để giảm hao hụt thuốc • Không độc hại, không gây sốt • Tiệt trùng bằng Ethylen Oxide. Hộp/50 cái Tiêu chuẩn ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13485: 2012	Cái	500
16	VT2023016	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Khóa bảo vệ: cap connector. Ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 140cm. thể tích lòng ống = 1ml. Sản phẩm tiệt trùng 100% Tiêu chuẩn ISO; EC. Thời hạn sử dụng 5 năm.Tiêu chuẩn ISO 13485: 2003/EN ISO 13485: 2012/ISO 9001: 2008; EC	Cái	500
17	VT2023017	Dây oxy 01 nhánh các số	Chất liệu PVC mềm dẻo , màu xanh,không gây kích ứng với bệnh nhân	Sợi	100
18	VT2023018	Dây oxy 2 nhánh người lớn , trẻ em	Chất liệu PVC mềm dẻo , màu xanh,không gây kích ứng với bệnh nhân	Sợi	3,000
19	VT2023019	Dây thở oxy trẻ sơ sinh	Chiều dài dây dẫn 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.	Sợi	100
20	VT2023020	Mask khí dung NL	Mặt nạ có kẹp mũi, bình chứa thuốc ≥8ml, dây nối oxy ≥2m, PVC y tế	Cái	1,000
21	VT2023021	Mask khí dung TE	Mặt nạ có kẹp mũi, bình chứa thuốc ≥8ml, dây nối oxy ≥2m, PVC y tế	Cái	300
22	VT2023022	Mask thở oxy trẻ em/ người lớn có túi	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	200
23	VT2023023	Kim rút thuốc các số 14, 16, 18, 20, 23, 25	Các số 18G, 20G, 21G, 22G, 23G, 25G, Vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.	Cây	80,000
24	VT2023024	Ampu bóp bóng người lớn	Dung tích bóng bóp: 1.500ml; Chất liệu: PVC	Cái	10

25	VT2023025	Ampu bóp bóng trẻ em	Dung tích bóng bóp: 500 ml; Chất liệu: PVC	Cái	5
26	VT2023026	Băng cá nhân 20mmx60mm	Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene, thấm hút ≥ 500 % , lực dính 2,2-9,4 N/cm, có kiểm tra vi sinh.	Miếng	5,000
27	VT2023027	Băng keo chỉ thị nhiệt lò hấp tiệt trùng EO 3M hoặc tương đương	1322-12MM Băng keo chỉ thị nhiệt	Cuộn	20
28	VT2023028	Băng keo có gạc vô trùng	Sợi polyester nền không đan dệt, co giãn, keo acrylic, lực dính 1.1-4.3 N/cm, có miếng gạc sợi viscose thấm hút , kích thước 35x70 mm phủ lớp chống dính HDPE, khả năng thấm hút ≥ 480 g/m2, mức thoát hơi nước ≥ 500 g/m2/24h, tiệt trùng bằng ethylene oxide, tiêu chuẩn CE.	Miếng	300
29	VT2023029	Băng keo có gạc vô trùng	Sợi polyester nền không đan dệt, co giãn, keo acrylic, lực dính 1.1-4.3 N/cm, có miếng gạc sợi viscose thấm hút , kích thước 45x158 mm phủ lớp chống dính HDPE, khả năng thấm hút ≥ 480 g/m2, mức thoát hơi nước ≥ 500 g/m2/24h, tiệt trùng bằng ethylene oxide, tiêu chuẩn CE.	Miếng	300
30	VT2023030	Băng keo lụa 2,5cm*5m (*)	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh.	Cuộn	3,000
31	VT2023031	Băng vải cuộn y tế	Băng cuộn 9cm x 2.5m, không vô trùng	Cuộn	8,000
32	VT2023032	Bao + Ruột huyết áp, các cỡ	Bao + Ruột huyết áp	Bộ	50
33	VT2023033	Bộ điều kinh Karman	Bộ điều kinh Karman	Bộ	300
34	VT2023034	Bo hút nhớt	Bo đỏ cao su, Có vòi liền - 90ml	Cái	50
35	VT2023035	Bo huyết áp + khóa	Quả bóp bằng cao su,mềm dẻo,đàn hồi cao.Van 1 chiều có nút khóa bằng kim loại,bóng sáng	Bộ	50
36	VT2023036	Bộ rửa dạ dày lớn, nhỏ	Cao su	Bộ	10
37	VT2023037	Chỉ Catgut 1/0 kim tròn	Chỉ tiêu thiên nhiên tan châm 1/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26	Tép	150

38	VT2023038	Chỉ Catgut 2/0 không kim	Chỉ tiêu thiên nhiên tan châm 2/0 không kim chiều dài chỉ 150cm	Tép	900
39	VT2023039	Chỉ Catgut 2/0 kim tròn	Chỉ tiêu thiên nhiên tan châm 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26	Tép	150
40	VT2023040	Chỉ Catgut 3/0 kim tròn	Chỉ tiêu thiên nhiên tan châm 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26	Tép	150
41	VT2023041	Chỉ Catgut 4/0 không kim	Chỉ tiêu thiên nhiên tan châm 4/0 không kim	Tép	600
42	VT2023042	Chỉ Nylon 2/0 kim TG	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon màu xanh dương 2/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26	Tép	600
43	VT2023043	Chỉ Nylon 3/0 kim TG	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon màu xanh dương 3/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26	Tép	1,200
44	VT2023044	Chỉ Nylon 4/0 kim TG	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon màu xanh dương 4/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 19	Tép	1,200
45	VT2023045	Chỉ Vicryl 2/0 kim tròn	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp ARES - Chỉ Polyglactin 910 2/0	Tép	300
46	VT2023046	Chỉ Vicryl 3/0 kim tròn	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp ARES - Chỉ Polyglactin 910 3/0	Tép	300
47	VT2023047	Chỉ Vicryl 4/0 kim tròn	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp ARES - Chỉ Polyglactin 910 4/0	Tép	300
48	VT2023048	Chỉ Silk 2/0 không Kim	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi 2/0 không kim chiều dài chỉ 150cm	Tép	900
49	VT2023049	Chỉ Silk 2/0 kim tam giác	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi 2/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26	Tép	600
50	VT2023050	Chỉ Silk 2/0 kim tròn	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26	Tép	150
51	VT2023051	Chỉ Silk 3/0 không Kim	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi 3/0 không kim chiều dài chỉ 150cm	Tép	150
52	VT2023052	Chỉ Silk 3/0 kim tròn	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26	Tép	150
53	VT2023053	Chỉ Prolene số 2/0 kim tròn	Chỉ phẫu thuật Prolen số 2/0, dài 75cm, kim tròn, đầu tròn, 31mm, 1/2C (W295)	Tép	180
54	VT2023054	Chỉ Prolene số 3/0 kim tròn	Chỉ phẫu thuật Prolen số 3/0, dài 90cm, kim tròn, đầu tròn, 31mm, 1/2C (W8525)	Tép	180
55	VT2023055	Chỉ Prolene số 4/0 kim tròn	Chỉ phẫu thuật Prolen số 4/0, dài 90cm, kim tròn, đầu tròn, 31mm, 1/2C (W8840)	Tép	150

56	VT2023056	Đầu col vàng có khía 0-200 µl	Đầu col vàng có khía 0-200ul	Cái	10,000
57	VT2023057	Đầu col xanh 200-2000 µl	Đầu col xanh có khía, không khía 0-1000ul	Cái	20,000
58	VT2023058	Ống nghiệm Serum	Ống nghiệm Serum	ống	10,000
59	VT2023059	Tube chứa chất chống đông Citrate	Kích thước ống: 12x75mm. Màu nắp, nhãn ống: Xanh Lá. Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP. Hóa chất: Sodium Citrate 3.8%. Dung tích máu: 1ml;2ml có vạch định mức.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Có giấy chứng nhận phân tích chịu lực quay ly tâm 5000 vòng/phút trong 10 phút. Trên từng khay sản phẩm có tem ghi rõ thành phần hóa chất, quy trình lấy và lưu trữ máu, lô, hạn sử dụng.	Tube	1,000
60	VT2023060	Tube chứa chất chống đông EDTA (có mã Code)	Kích thước ống 12x75mm. Màu nắp, nhãn ống: Xanh dương. Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP. Hóa chất: Dipotassium Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA K2). Dung tích máu: 1ml, 2ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Có giấy chứng nhận phân tích chịu lực quay ly tâm 5000 vòng/phút trong 10 phút. Trên từng khay sản phẩm có tem ghi rõ thành phần hóa chất, quy trình lấy và lưu trữ máu, lô, hạn sử dụng.	Tube	50,000
61	VT2023061	Tube chứa chất chống đông Heparin (có mã Code)	Kích thước ống: 12x75mm. Màu nắp, nhãn ống: Đen. Chất liệu ống:Chất liệu ống:Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP. Hóa chất: LITHIUM HEPARIN.Dung tích máu :2ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.Có giấy chứng nhận phân tích chịu lực quay ly tâm 5000 vòng/phút trong 10 phút. Trên từng khay sản phẩm có tem ghi rõ thành phần hóa chất, quy trình lấy và lưu trữ máu, lô, hạn sử dụng.	tube	50,000
62	VT2023062	Dây Garo	Dây Garo	Sợi	300
63	VT2023063	Dây hút đàm các số 10, 14 không van	Các số 10,14. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500 mm.	Sợi	300

64	VT2023064	Dây hút đàm các số 8,10,12,14,16 có van kiểm soát	Các số 8,10,12,14,16; Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm. Khóa van các cỡ có đầu gen để kết nối với các thiết bị phụ trợ chuyên dụng.	Sợi	200
65	VT2023065	Đè lưỡi gỗ	Đè lưỡi gỗ chưa tiệt trùng	Cây	25,000
66	VT2023066	Điện cực tim dùng 1 lần	- Thiết kế hình tròn, kích thước 50 mm. - Điện cực Polymer Glass-filled ABS - Ag/AgCl, đường kính 10 mm - Loại Gel ướt - Thời gian sử dụng: 72 giờ - Sử dụng được cho da nhạy cảm. - Sản xuất bằng vật liệu đáp ứng tiêu chuẩn hạn chế các chất nguy hiểm trong các thiết bị điện và điện tử (RoHS Compliant). - Tuân thủ các quy định liên quan đến việc sử dụng các hóa chất độc hại, có ảnh hưởng đến con người và môi trường (REACH Compliant) - Đạt chuẩn ISO 13485 + CE.	Miếng	2,000
67	VT2023067	Dụng cụ thông khí đường miệng (Airway) các số 0,1,2,3	Chất liệu nhựa tốt dẻo, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổng thương, không gây kích ứng da. Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13485: 2012	Cái	100
68	VT2023068	Gạc phẫu thuật (tiệt trùng)	Gạc phẫu thuật kích thước 10cm x 20cm x 6 lớp, vô trùng	Miếng	500
69	VT2023069	Gạc y tế	Gạc y tế 5 x 6cm x 8 lớp VT	Miếng	5,000
70	VT2023070	Găng tay dài sản khoa tuyệt trùng	Chiều dài găng tay: 50cm	Đôi	500
71	VT2023071	Găng tay phẫu thuật tuyệt trùng	Nguyên liệu cao su thiên nhiên, dài 280mm, loại có bột, đóng gói tiệt trùng từng đôi. Tiêu chuẩn ISO; CE	Đôi	5,000
72	VT2023072	Găng tay y tế không tiệt trùng có phủ bột talc các cỡ (size S, M, L, XL)	Cao su y tế không tiệt trùng có phủ bột talc các cỡ (size S, M, L, XL)	Đôi	100,000
73	VT2023073	Giấy điện tim 1 cần	Kích thước: 50mmx30m	Cuộn	100
74	VT2023074	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước: 63mmx30m	Cuộn	100

75	VT2023075	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước: 80mmx20m	Cuộn	500
76	VT2023076	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước: 112mmx27m	Cuộn	500
77	VT2023077	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước: 110mmx140m	Xấp	100
78	VT2023078	Giấy in Monitor sản khoa	Kích thước: 152mm x 150mm -200P	Xấp	30
79	VT2023079	Giấy in nhiệt	Kích thước: 58mm x 30m	cuộn	100
80	VT2023080	Gòn không thấm nước	Gòn không thấm kg/bọc	Kg	20
81	VT2023081	Gòn thấm	Bông hút nước y tế, KVT	Kg	240
82	VT2023082	Hộp phân liều thuốc	Chất liệu: nhựa PS Kích thước bao ngoài: Dài 245mm x Rộng 70mm x Cao 19mm	Cái	100
83	VT2023083	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao.	Cây	500
84	VT2023084	Khẩu trang giấy than 4 lớp	Vải không dệt chất lượng cao, lớp vi lọc kháng khuẩn Meltblown, hiệu suất lọc BFE >= 98%, hiệu suất lọc PFE >= 98% trở lực hô hấp <= 9mmH2O, thanh nẹp nhựa Polyetylen mềm mại dễ uốn nắn, dây đeo thun xốp co giãn tốt.	Cái	50,000
85	VT2023085	Khẩu trang N95	Tiêu chuẩn NIOSH N95	Cái	500
86	VT2023086	Khí Oxy Y tế 6m3	Bình 6m3 khí oxy y tế	Bình	1,000
87	VT2023087	Kim gây tê tỷ sống số 27	0.42 x 88mm. Thiết kế đầu Quinck với 3 mặt vát, sắc bén; chuôi kim trong suốt có lăng kính pha lê phản quang giúp nhận biết nhanh và dễ dàng khi dịch não tủy chảy ra. ỉ (mm): 0.4 x 88	Cây	1,000
88	VT2023088	Kim khâu các loại Tròn, Tam Giác	Kim khâu Tròn, Tam Giác, các cỡ: 5x14, 7x17, 8x20, 9x24, 10x34, 11x34, 13x34	Cây	10,000
89	VT2023089	Kim nha	size 27	Cây	10,000
90	VT2023090	Lam kính	Lam kính trơn	Hộp	50
91	VT2023091	Lancets	Vỉ giấy, đã tiệt trùng	Hộp	50
92	VT2023092	Lọ đựng nước tiểu	Lọ nhựa PS 55 ml	Lọ	10,000
93	VT2023093	Lưỡi dao mổ các số 10, 11,12,15, 20	Lưỡi dao mổ các số 10, 11,12,15, 20	Cái	3,000
94	VT2023094	Mask gây mê	Chất liệu tốt, không gây kích ứng. Mask gây mê có đủ kích cỡ, Phù hợp, dể thao	Cái	100

			tác khi sử dụng và tương thích với các thủ thuật và thiết bị của các bệnh viện		
95	VT2023095	Máy huyết áp lớn (kiểm định)	Phạm vi đo: 0-300mmHg Có kiểm định	Bộ	40
96	VT2023096	Máy huyết áp nhỏ (kiểm định)	Phạm vi đo: 0-300mmHg Có kiểm định	Bộ	10
97	VT2023097	Nhiệt kế 420 C	Nhiệt kế thủy ngân, giới hạn đo: 42^0C	Cây	500
98	VT2023098	Nội khí quản có bóng (Các số)	Có bóng và có cản quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gẫy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	100
99	VT2023099	Nón giấy phẩu thuật	Nón giấy phẩu thuật	Cái	3,000
100	VT2023100	Ống hút điều kinh các số	Được tiệt trùng bằng khí E.O. Sản xuất bằng nhựa PVC. Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không bavia.	Cái	300
101	VT2023101	Ống nghe 2 tai (khám bệnh)	Ống nghe 2 tai	Cái	50
102	VT2023102	Phim X- quang các loại, các cỡ	5000I B 20x25cm	Tấm	24,000
103	VT2023103	Phim X- quang nha 3*4 cm	Phim X- quang nha 3*4 cm	Hộp	10
104	VT2023104	Que gỗ phết cổ tử cung (Spatula)	Que Spatula	Que	1,000
105	VT2023105	Que gòn gỗ tiệt trùng	Que gài 16cm, thân que bằng gỗ, một đầu gòn, đựng trong ống nghiệm, tiệt trùng	Que	500
106	VT2023106	Que thử đường huyết	Giới hạn hematocrite là 15 - 65%Giới hạn hematocrite là 15 - 65% Máy có phạm vi đo Glucose là :20-600mg/DL hoặc 1,1mmol/L-33,3mmol/L, thời gian đo 5 giây, Mẫu máu đo 0.5µL.Đạt ISO, FDA	Que	12,000
107	VT2023107	Tạp dề phẩu thuật	Kích thước: 0,8 x 1,2 m	Cái	200
108	VT2023108	Thông dạ dày các số 6,8,10,12,14 ,16	Size 6,8,10,12,14,16. Độ dài ống 50 cm, phù hợp với trẻ nhỏ.	Sợi	200

109	VT2023109	Thông hậu môn các số 12,16,18,24,28	Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.	Sợi	100
110	VT2023110	Thông tiểu Foley 2 nhánh các số 08,10,12,14,16, 18,20,24,28	Dây có chiều dài 40cm. Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổng thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size số 12 đến 22; có bóng 3-5ml; 5 -15ml; 15 - 30ml. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13485: 2012	Sợi	200
111	VT2023111	Túi chứa nước tiểu	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T, gồm 2 loại có quai treo và không có quai treo; Tiệt trùng bằng khí EO.	Túi	100
112	VT2023112	Vòng tránh thai Tcu380	Vòng tránh thai Tcu380	Cái	500
113	VT2023113	Kim châm cứu tiệt trùng sô 3,4,5,6,7	* Kim đốc đồng, thân kim sử dụng thép chuyên dụng,dẫn điện tốt. * Thân kim nhỏ, đầu kim sắc nhọn. Vô trùng dùng 1 lần hoặc hấp sấy dùng nhiều lần. * Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, FSC, EC.	Cây	120,000
114	VT2023114	Kim đẩy chỉ vô trùng 0.3x33mm	Kim châm cứu đẩy chỉ vô trùng dùng một lần 0.3x33mm	Cây	25,000

Gói thầu số 2: Hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm năm 2023

TT	Mã số	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	HCSP23001	Anti AB	Clone 9113D10+152D12, Sodium azide < 0.1% w/v	Chai	10
2	HCSP23002	Dung dịch phun diệt khuẩn bề mặt dụng cụ y tế	Didecyldimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%.	Can	20
3	HCSP23003	CidexOPA	Thành phần: 0.55% Ortho-Phthalaldehyde, Cal 3,78 lít	Cal	50
4	HCSP23004	Cidezym	Protease enzyme 0,5% kl/kl	Chai	40

5	HCSP23005	Chlorid	Kg	Kg	100
6	HCSP23006	Dung dịch rửa tay phẫu thuật Chlorhexidine gluconate 4% / 500ml	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 …) vừa đủ 100%	Chai	10
7	HCSP23007	Formol (đậm đặc)	Formol 37-40%	Lít	30
8	HCSP23008	Gel điện tim	Chai 250ml	Chai	50
9	HCSP23009	Gel siêu âm	Thùng 5 lít	lít	24
10	HCSP23010	Viên sủi khử khuẩn	Natri Dichloroisocyanutrate khan 50%	Viên	5,000
11	HCSP23011	Clotest (pylori)	casette	Test	500
12	HCSP23012	Nước cất	Nước cất 1 lần	Lít	300
13	HCSP23013	Cồn 70 độ	70°	Lít	3,000
14	HCSP23014	Cồn 90 độ	90°	Lít	60
15	HCSP23017	Test HAV	Độ nhạy: 95.2% Độ đặc hiệu: 99.1%	Test	2,000
16	HCSP23019	Test HBsAb	Phát hiện định tính sự có mặt HBsAb trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất.	Test	2,500
17	HCSP23020	Test HBsAg	Độ nhạy: 97.59% Độ đặc hiệu: 99.72 % Độ chính xác: 99.23%	Test	3,000
18	HCSP23021	Test hCG	Độ nhạy: ≥99.9% Độ đặc hiệu: ≥99.9% Tiêu chuẩn: ISO, CE	Test	300
19	HCSP23022	Test nhanh chẩn đoán bệnh tay chân miệng	Phát hiện kháng thể IgM kháng EV 71 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần	Test	750

			Đã bật chế độ hỗ trợ trình đọc màn hình.		
20	HCSP23023	Test nhanh chẩn đoán HIV	Độ nhạy: 99.8% Độ đặc hiệu 100%	Test	3,000
21	HCSP23024	Test nhanh chẩn đoán nhồi máu cơ tim	Độ nhạy: 97.6% Độ đặc hiệu: 99.4%	Test	3,000
22	HCSP23026	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết (kháng thể)	Độ nhạy: 94.3% Độ đặc hiệu: 99.1%	Test	1,500
23	HCSP23027	Test sốt xuất huyết NS1		Test	2000
24	HCSP23028	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C (HCV)	Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100% Độ chính xác: 100%	Test	3,000
25	HCSP23029	Test nhanh chuẩn đoán Morphin	Nồng độ giới hạn Cut-off 100ng/ml	Test	3,000
26	HCSP23030	Test nhanh chuẩn đoán viêm dạ dày (H.P)	Dạng Cassette Độ nhạy: 95,5%, Độ đặc hiệu:91,3%	Test	500
27	HCSP23035	Rh (xác định nhóm máu)		Chai	10
28	HCSP23036	Test HEV	Dạng Cassette Độ nhạy: 95,5%, Độ đặc hiệu:91,3%	Test	500